TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2024/DS-ST

Ngày: 27/5/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Ký.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quản.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 576/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 339/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 473/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Việt Nam.

Trụ sở: A Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: A, Trường Chinh, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Phạm Quang D, là đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị);

- Ông Nguyễn Trung L, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số số 464/BSG-HCNS ngày 05/6/2023) – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Hữu Ph, sinh năm: 1987 – vắng mặt.

Địa chỉ: Căn hộ B, toà nhà 91 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Bà Vũ Nguyễn Hồng P, sinh năm: 1988 – vắng mặt.

Địa chỉ: T Tôn Thất Thuyết, Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Việt Nam, có ông Nguyễn Trung L là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 30/11/2021, nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng cho vay số 66BBSG21-CC, theo đó nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 2.500.000.000 đồng; mục đích vay: Chuyển nhượng bất động sản; thời hạn vay: 240 tháng. Tiếp theo, ngày 15/12/2021, nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng cho vay số 76BBSG21-CC, theo đó nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 12.500.000.000 đồng; mục đích vay: Chuyển nhượng bất động sản; thời hạn vay: 240 tháng.

Để đảm bảo cho các khoản vay, bị đơn đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 1219, tờ bản đồ số 7, xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An và thửa đất số 278, tờ bản đồ số 6, xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An (theo Hợp đồng thế chấp số 053/TC-BSG21-CC ngày 30/11/2021 và 055/TC/BSG21-CC ngày 21/12/2021).

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được 800.112.519 đồng tiền gốc trong tổng số tiền gốc là 15.000.000.000 đồng; sau đó, bị đơn không thanh toán tiếp cho nguyên đơn.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 27/5/2024, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 14.199.887.481 đồng, lãi trong hạn là 2.397.523.254 đồng và lãi quá hạn là 34.580.566 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán 01 lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 27/5/2024 là 16.631.991.301 đồng; trong đó, số tiền gốc là 14.199.887.481 đồng, lãi trong hạn là 2.397.523.254 đồng, lãi quá hạn là 34.580.566 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 28/5/2024 cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 53/TC-BSG21-CC ngày 30/11/2021 và 55/TC/BSG21-CC ngày 21/12/2021.

Sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ trả nợ vay thì bị đơn vẫn phải tiếp tục trả hết khoản nợ vay cho nguyên đơn.

Bị đơn ông Trần Hữu Phúc và bà Vũ Nguyễn Hồng Phương đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên cần rút kinh nghiệm.

- Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định; bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Bị đơn Trần Hữu Phúc đang cư trú tại quận Bình Thạnh và bị đơn Vũ Nguyễn Hồng Phương đang cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn có chi nhánh tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm b Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Nguyễn Trung Lâm tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền của nguyên đơn, việc ủy quyền là hợp lệ nên chấp nhận. Ngày 20/5/2024, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02.

Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về chứng cứ:

Tại Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp".

Tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

[4.1] Xét về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn, theo Điều lệ Ngân hàng được quyền ký kết các hợp đồng tín dụng nhân danh nguyên đơn. Bị đơn giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng được lập thành văn bản và có chữ ký của các bên. Căn cứ theo quy định tại các điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, hợp đồng nêu trên là hợp pháp, phù hợp về hình thức và nội dung, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung các thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ nên khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với các khoản tiền còn nợ là có căn cứ.

[4.2] Về số tiền nợ gốc: Căn cứ theo Hợp đồng cho vay số 66BBSG21-CC ngày 30/11/2021, Hợp đồng cho vay số 76BBSG21-CC ngày 15/12/2021, các giấy nhận nợ số 01 ngày 30/11/2021 và 01 ngày 15/12/2021 thể hiện bị đơn đã được giải ngân số tiền là 15.000.000.000 đồng. Kể từ khi được giải ngân, bị đơn đã thanh toán được 800.112.519 đồng tiền gốc cho nguyên đơn nhưng sau đó không thanh toán tiếp. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc còn lại là 14.199.887.481 đồng.

Xét yêu cầu trả nợ gốc trên của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về yêu cầu tính lãi: Tổng số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 2.432.103.820 đồng; trong đó, lãi trong hạn là 2.397.523.254 đồng và lãi quá hạn là 34.580.566 đồng.

Tại Điều 6 của các hợp đồng tín dụng quy định: "Lãi suất cho vay là 8,4%/năm, cố định trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân; sau đó được điều chỉnh cộng biên độ 3,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn".

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Xét thấy việc thỏa thuận lãi giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật.

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số tiền nợ của các hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn. Bị đơn chưa thanh toán được khoản tiền lãi nào cho nguyên đơn.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng số tiền lãi bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 2.432.103.820 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] Về yêu cầu phát mãi tài sản tài sản bảo đảm:

Căn cứ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 53/TC/BSG21-CC, đã được công chứng số công chứng 9.160, Quyển số 10/2021 TP/CC-SCC/HĐCC lập ngày 30/11/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 55/TC/BSG21-CC, đã được công chứng số công chứng 9.908, Quyển số 10/2021 TP/CC-SCC/HĐCC lập ngày 21/12/2021 tại Văn phòng công chứng Phạm Thị Hiên, tỉnh Long An, bị đơn thế chấp tài sản sau cho nguyên đơn:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1219, tờ bản đồ số 7, xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh

Long An, theo Giấy chứng nhận số CL 926599, số vào sổ cấp GCN: CS 04079 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 29/12/2017, cập nhật biến động sang cho bị đơn ngày 29/11/2021.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 278, tờ bản đồ số 6, xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận số CU 015217, số vào sổ cấp GCN: CS 05883 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 29/11/2019, cập nhật biến động sang cho bị đơn ngày 21/12/2021.

Việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký ngày 30/11/2021 và 21/12/2021 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Tân An, tỉnh Long An. Bản chính các giấy chứng nhận nêu trên do nguyên đơn giữ.

Vào thời điểm thế chấp, các bất động sản trên thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bị đơn và bị đơn tự nguyện giao kết hợp đồng. Như vậy, hợp đồng thế chấp trên có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 317, 318, 319, 500, 501 và 502 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các tài sản bảo đảm nêu trên, ghi nhận hiện trạng thực tế là đất trống, không có cây trồng, tài sản gắn liền với đất nào khác trên các thửa đất nêu trên.

Như vậy, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ trả nợ vay thì bị đơn vẫn phải tiếp tục trả hết khoản nợ vay cho nguyên đơn.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng, bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 144, Khoản 1 Điều 147, 157, 165, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 117, 118, 119, 122, 317, 318, 319, 463, 500, 501 và 502 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và năm 2022;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

1.1. Buộc bị đơn ông Trần Hữu Phúc và bà Vũ Nguyễn Hồng Phương phải thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho nguyên đơn, tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay số 66BBSG21-CC ngày 30/11/2021, Hợp đồng cho vay số 76BBSG21-CC ngày 15/12/2021, các giấy nhận nợ số 01 ngày 30/11/2021 và 01 ngày 15/12/2021, tạm tính đến ngày 27/5/2024 là: 16.631.991.301 (mười sáu tỷ sáu trăm ba mươi mốt triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn ba trăm lẻ một) đồng; Trong đó, nợ gốc là: 14.199.887.481 (mười bốn tỷ một trăm chín mươi chín triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi mốt) đồng, lãi trong hạn là: 2.397.523.254 (hai tỷ ba trăm chín mươi bảy triệu năm trăm hai mươi ba nghìn hai trăm năm mươi bốn) đồng và lãi quá hạn là: 34.580.566 (ba mươi bốn triệu năm trăm tám mươi nghìn năm trăm sáu mươi sáu) đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của của bên cho vay.

1.3. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ trên, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 53/TC/BSG21-CC, đã được công chứng số công chứng 9.160, Quyển số 10/2021 TP/CC-SCC/HĐCC lập ngày 30/11/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 55/TC/BSG21-CC, đã được công chứng số công chứng 9.908, Quyển số 10/2021 TP/CC-SCC/HĐCC lập ngày 21/12/2021 tại Văn phòng công chứng Phạm Thị Hiên, tỉnh Long An.

Chi tiết tài sản bảo đảm như sau:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1219, tờ bản đồ số 7, xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận số CL 926599, số vào sổ cấp GCN: CS 04079 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 29/12/2017, cập nhật biến động sang cho bị đơn ngày 29/11/2021, cập nhật thế chấp lần cuối ngày 30/11/2021.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 278, tờ bản đồ số 6, xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận số CU 015217, số vào sổ cấp GCN: CS 05883 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 29/11/2019, cập nhật biến động sang cho bị đơn ngày 21/12/2021, cập nhật thế chấp lần cuối ngày 21/12/2021.

1.4. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ trả nợ vay thì bị đơn vẫn phải tiếp tục trả hết khoản nợ vay cho nguyên đơn.

2. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 (mười triệu) đồng, bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 124.631.991 (một trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm chín mươi mốt) đồng, bị đơn chịu.

3.2. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.535.453 (sáu mươi mốt triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi ba) đồng, theo Biên lai thu số 0030013 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 và năm 2022 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Ký